

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TUẦN GIÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14/4/2022

*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bạc Thị Phương và bà Bạc Thị Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2021/TLST-HN&GD ngày 29 tháng 12 năm 2021 về việc Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Quàng Thị D; sinh năm: 1999; địa chỉ: Bản L, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn D; sinh năm 1997; địa chỉ: Bản G, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2021, bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt; nguyên đơn chị Quàng Thị D trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Quàng Thị D và anh Lò Văn D đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Chiềng S, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 25/02/2019. Kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Kể từ khi kết hôn sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân bất đồng cũng từ việc anh D sử dụng ma túy; khi chị D và gia đình khuyên can thì anh D cho rằng không được can thiệp đến cuộc sống riêng tư của anh D. Do vậy dẫn đến mâu thuẫn ngày càng nhiều, anh D còn đánh chị D. Cũng vì mâu thuẫn như vậy, nên chị D thấy không

thể tiếp tục cuộc sống chung với anh D nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Trong quá trình mâu thuẫn đó, khi được hai bên gia đình hòa giải thì chị D đã quay lại chung sống với anh D. Cuộc sống chung cũng chỉ được một thời gian ngắn thì anh D vẫn tiếp tục sử dụng ma túy và vợ chồng lại mâu thuẫn. Anh D cho rằng chị D đi ngoại tình để lấy lý do đánh chị D và đem tài sản gia đình đi bán. Do không thể chịu đựng thêm nên chị D lại tiếp tục bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 3/2021 cho đến nay. Trong thời gian không sống chung anh D và chị D không còn liên lạc với nhau. Do thời gian sống xa cách đã lâu, nay tình cảm của chị D với anh D không còn, chị D không thể kéo dài cuộc sống chung không có hạnh phúc với anh D nên chị D đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được ly hôn với anh Lò Văn D.

Về con chung: Chị Quàng Thị D và anh Lò Văn D có 01 con chung, cháu tên là Lò Mạnh D; sinh ngày 08/5/2020. Sau ly hôn chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu D cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động vì chị cho rằng từ nhỏ cháu D đều do chị D nuôi dưỡng, anh D không hỗ trợ cho chị D nuôi con. Khi không sống chung với anh D, về với gia đình thì chị D đã được người thân trong gia đình giúp đỡ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu D. Thu nhập trung bình của chị Quàng Thị D từ làm nông nghiệp và đi làm thêm mỗi tháng 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*). Chị D và cháu D về ở cùng với gia đình tại bản Ly Xôm về nhà ở đã được gia đình xây dựng ổn định, rộng rãi, không gây cản trở gì cho người thân trong gia đình; vì vậy chị D có đảm bảo chăm sóc, thu nhập và nơi ở cho cháu D. Chị D không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Quàng Thị D và anh Lò Văn D không có tài sản, không đề nghị giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ thu về và nợ phải trả; nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị D đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn xin vắng mặt bị đơn anh Lò Văn D trình bày như sau:*

Về hôn nhân: Anh Lò Văn D và chị Quàng Thị D kết hôn với nhau ngày 25/02/2019 và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm. Đến nay tình cảm của anh D không còn nên mục đích hôn nhân không đạt được; nhưng anh D không đồng ý ly hôn, anh D chỉ đồng ý ly hôn nếu chị D giao cho anh D nuôi dưỡng con chung.

Về con chung: Anh Lò Văn D và chị Quàng Thị D có 01 con chung, cháu tên là Lò Mạnh D; sinh ngày 08/5/2020. Sau ly hôn anh D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D, anh D không đề nghị chị D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có nhà ở và thu nhập trung bình 7.000.000đ/tháng. Không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi

con.

Về tài sản và nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, cho chị D ly hôn với anh D; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lò Văn D, sinh ngày 08/5/2020 cho chị Quàng Thị D nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đề nghị xem xét về phần cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị D, do chị D là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của chị Quàng Thị D với anh Lò Văn D thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Thời điểm chị D nộp đơn khởi kiện, anh D có nơi ĐKKTT tại bản G, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, Quyết định hợp lệ. Chị D và anh D đều có đơn xin xét xử vắng mặt, việc đưa ra xét xử vắng mặt của đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi cho đương sự, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 BLTTDS; do vậy có đủ căn cứ để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Quàng Thị D và anh Lò Văn D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 25/02/2019. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai cản trở ép buộc, nên có thể xác định hôn nhân của chị D và anh D là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình. Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Chị D và anh D đều khẳng định, giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn; vợ chồng không còn sống chung, trong thời gian không sống chung cũng không quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau; vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống không còn hạnh phúc. Từ những lời khai của chị D và anh D, Tòa án thấy rằng để đảm bảo

khách quan, toàn diện về quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh D; nên đã tiến hành xác minh thì thấy: Hôn nhân giữa chị D và anh D đã có mâu thuẫn, anh chị đã không còn sống chung, vì không chấp nhận việc anh D sử dụng ma túy nên chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Từ những căn cứ trên thấy rằng, tình cảm vợ chồng của chị D và anh D đã rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị Quàng Thị D là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Quàng Thị D, cho chị Quàng Thị D ly hôn với anh Lò Văn D.

[2.2] Về con chung: Tính đến thời điểm giải quyết thì cháu Lò Mạnh D, sinh ngày 08/5/2020 chưa đủ 36 tháng tuổi, độ tuổi còn quá nhỏ, chưa thể tự chăm sóc bản thân, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Như vậy, nguyện vọng được nuôi dưỡng con của chị Diên là hoàn toàn phù hợp với quy định của khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình “3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi....”. Hơn nữa, khi vợ chồng không còn sống chung, thì chị D cũng tự mình nuôi dưỡng con, khi được chị D nuôi dưỡng cháu D vẫn được chăm sóc, đi học đầy đủ. Mặc dù hai bên đương sự đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D nhưng xét điều kiện nuôi con của chị D, anh D và để đảm bảo cho cháu D tiếp tục có cuộc sống ổn định, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần thì HĐXX thấy cần căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao cho chị Quàng Thị D nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu D cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Các bên đương sự đều không yêu cầu giải quyết về phân cấp dưỡng, nên HĐXX không giải quyết về phân cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Quàng Thị D đủ điều kiện được xét miễn án phí ly hôn.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng

dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị D được ly hôn với anh Lò Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Quàng Thị D nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Mạnh D, sinh ngày 08/5/2020 cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Anh D chưa cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Quàng Thị D có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lò Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh D thực hiện quyền này.

Chị Quàng Thị D, anh Lò Văn D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Quàng Thị D được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Quàng Thị D, anh Lò Văn D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận**

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THÀNH VIÊN CỦA HĐXX**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**























***Nơi nhận***

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**